

Bản án số: 67/2018/DS-ST

Ngày: 28/11/2018

*“V/v Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Ông Phan Văn Chiêu.**
- 2. Bà Lê Ái Nguyên.**

Thư ký Tòa án: Bà **Nguyễn Thị Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2018/TLST – DS ngày 15 tháng 3 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2018/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 127/2018/QĐST-DS và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 27/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị Ch** - sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Trương Thị M L** - sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Anh T** - sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Nguyễn Lâm Th Ng** - sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, thành phố Cần Thơ.

Anh **Huỳnh Minh Đ E**. Địa chỉ: Ấp A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của Anh Huỳnh Minh Đ E: Chị Trương Thị M L - sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Anh T có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án chị Ch trình bày và yêu cầu: Vào ngày 28 tháng 11 năm 2013 âm lịch chị Ng và anh T có vay của chị Ch số T 70.000.000đ, khi vay T thì vợ chồng anh T đều có mặt chị Ng là người viết giấy vay T nhưng chỉ có một mình chị Ng ký tên vào giấy vay T. Tại tờ giấy vay T có nội dung chị Ng và anh T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 837785 đứng tên Nguyễn Anh T và Nguyễn Lâm Th Ng. Chị Ng và anh T nhận đủ số T 70.000.000đ và đã giao bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho chị Ch quản lý. Lúc vay T không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ. Đến nay anh T và chị Ng chưa trả T, nên chị Ch yêu cầu chị Ng và anh T trả cho chị Ch và chồng chị Ch là anh Huỳnh Minh Đ E số T nợ vay là 70.000.000đ và T lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 29 tháng 11 năm 2013 âm lịch cho đến khi trả xong nợ.

* Bị đơn anh Nguyễn Anh T trình bày: Anh T không có cùng chị Ng vay của chị Ch số T 70.000.000đ như chị Ch trình bày, anh T không biết gì về việc chị Ng vay T của chị Ch, không biết chị Ng sử dụng T vay vào mục đích gì, vì anh và chị Ng đều có thu nhập ổn định đủ để nuôi sống gia đình 03 người. Do chị Ng tự ý vay T để sử dụng riêng thì chị Ng tự trả T cho chị Ch, anh T không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị Ch. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị Ng giao cho chị Ch khi vay T anh T cho rằng do chị Ng và anh T đều biết mật khẩu và chìa khóa của két sắt, nên chị Ng Giấy chứng nhận quyền sử dụng từ két sắt ra từ lúc nào anh T cũng không biết, anh T không có yêu cầu gì đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Lâm Th Ng trình bày: Khi chị Ng và anh T chưa ly hôn chị và anh T có thống nhất với nhau vay T của vợ chồng chị Ch để trang trải cuộc sống gia đình, nhưng anh T nói anh T là cán bộ Nhà nước vay T thì mất uy tín nên thỏa thuận để một mình chị Ng viết giấy và ký tên vay T của chị Ch là 70.000.000đ, chị và anh T cũng thống nhất giao cho chị Ch quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị và anh T đứng tên để thế chấp cho việc vay T này. Số T vay chị Ng và anh T sử dụng chung trong gia đình, nên đây là nợ chung, chị Ng đồng ý cùng anh T mỗi người trả 1/2 số T nợ theo yêu cầu của chị Ch và đề nghị chị Ch trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị và anh T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Minh Đ E thống nhất với yêu cầu và trình bày của chị Ch.

*** Tại phiên tòa:**

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, không nộp văn bản thể hiện ý kiến khác các ý kiến đã trình bày trước đây.
- Anh T giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.
- Chị Ng vắng mặt; có nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung nhưng không nộp án phí theo yêu cầu của Tòa án.
- Không có đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, tuy nhiên vi phạm khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Buộc chị Nguyễn Lâm Th Ng có nghĩa vụ trả cho chị Đoàn Thị Ch và anh Huỳnh Minh Đ E số T vay gốc là 70.000.000đ và T lãi là 30.432.500đ.

+ Hủy hợp đồng cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa chị Nguyễn Lâm Th Ng và chị Đoàn Thị Ch. Buộc chị Đoàn Thị Ch và anh Huỳnh Minh Đ E có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Lâm Th Ng và anh Nguyễn Anh T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 837785 do anh Nguyễn Anh T và chị Nguyễn Lâm Th Ng đứng tên.

*** Các tình tiết của vụ án:**

- Chị Ch và chị Ng xác định chị Ng và anh T cùng vay của chị Ch và anh Huỳnh Minh Đ E số T 70.000.000đ.

- Anh T không thừa nhận có cùng chị Ng thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để của chị Ch và anh Đ E 70.000.000đ. Không thừa nhận nợ chung và không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị Ch.

- Chị Ng thừa nhận giấy mượn T ngày 28 tháng 11 năm 2013 là do chị Ng viết và ký tên để thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 837785 do anh Nguyễn Anh T và chị Nguyễn Lâm Th Ng đứng tên cho chị Ch để cùng anh T vay 70.000.000đ. Số T vay được sử dụng chung với anh T nên đây là nợ chung của chị và anh T, chị Ng nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn nhưng không nộp án phí theo yêu cầu của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Chị Đoàn Thị Ch khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Anh T và chị Nguyễn Lâm Th Ng trả T nợ vay, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Anh Nguyễn Anh T có mặt, các đương sự còn lại có đề nghị vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Ch:

- Chị Ng và chị Ch thừa nhận nội dung tờ giấy mượn T viết ngày 28 tháng 11 năm 2013 âm lịch là đúng và thừa nhận có việc chị Ng vay của chị Ch 70.000.000đ. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, được Hội đồng xét xử lấy làm căn cứ giải quyết vụ án

- Cả chị Ng và chị Ch đều xác định tại thời điểm chị Ng viết giấy mượn T, nhận T vay và giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Ch thì có mặt chị Ch, anh T và chị Ng; Anh T không thừa nhận, chị Ch và chị Ng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của chị Ch và chị Ng là có căn cứ và hợp pháp, nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định chỉ một mình chị Ng vay của chị Ch và anh Đ E số T 70.000.000đ và T này chị Ng sử dụng cho mục đích cá nhân của chị Ng.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Số T 70.000.000đ chị Ng vay của chị Ch trong thời kỳ hôn nhân của chị Ng và anh T, tuy nhiên anh T không thừa nhận nợ chung, chị Ng và chị Ch không chứng minh được đây là nợ chung, chị Ng là người vay T của chị Ch, nên chị Ng có nghĩa vụ trả cho chị Ch và anh Đ E số T 70.000.000đ.

- Xét yêu cầu T lãi của chị Đoàn Thị Ch: Theo giấy mượn T mà chị Ch cung cấp thể hiện thời hạn trả T là 01 tháng kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2013 âm lịch. Hết thời hạn 01 tháng chị Ng không trả T như cam kết với chị Ch, nên việc chị Ch yêu cầu tính T lãi là có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của chị Ch. T lãi được tính theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm. Thời gian tính T lãi từ ngày 29 tháng 12 năm 2013 âm lịch (Nhằm ngày 29 tháng 01 năm 2014 dương lịch) đến ngày 28 tháng 11 năm 2018 là 04 năm 09 tháng 29 ngày số T lãi là 30.432.500đ. Ngoài ra chị Ng còn phải chịu T lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 837785 là của chị Ng và anh T, nhưng chị Ng tự thực hiện giao dịch không có sự đồng ý của anh T và không có công chứng, chứng thực đối với giao dịch về quyền sử dụng đất, hợp đồng này không tuân thủ về hình thức và nội dung theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử hủy hợp đồng cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa chị Ng và chị Ch. Buộc chị Ch và anh Đ E trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho chị Ng và anh T.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Ch, buộc chị Nguyễn Lâm Th Ng trả cho chị Đoàn Thị Ch và anh Huỳnh Minh Đ E số T 70.000.000đ và T lãi là 30.432.500đ, chị Ng còn phải chịu T lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hủy hợp đồng cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa chị Ng và chị Ch, buộc chị Đoàn Thị Ch và anh Huỳnh Minh Đ E có nghĩa vụ giao trả cho chị Nguyễn Lâm Th Ng và anh Nguyễn Anh T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 837785 do Ủy ban nhân dân huyện Phước Long cấp cho anh Nguyễn Anh T và chị Nguyễn Lâm Th Ng ngày 29 tháng 12 năm 2010.

[7] Về án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án:

- Chị Ch không phải chịu án phí và được nhận lại T tạm ứng án phí mà chị Ch đã nộp.

- Buộc chị Ng phải chịu 5% án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 5.022.000đ và án phí hủy hợp đồng cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 300.000đ.

- Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471, 474, 476 và 478 của Bộ luật Dân sự 2005;

- Áp dụng Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Đoàn Thị Ch đối với chị Nguyễn Lâm Th Ng. Buộc chị Nguyễn Lâm Th Ng trả cho chị Đoàn Thị Ch và anh Huỳnh Minh Đ E số T nợ vay là 70.000.000đ và T lãi là 30.432.500đ.

“Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả T thì bên đó phải trả lãi đối với số T chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự”.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Đoàn Thị Ch đối với anh Nguyễn Anh T.

3. Hủy hợp đồng cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa chị Nguyễn Lâm Th Ng và chị Đoàn Thị Ch. Buộc chị Đoàn Thị Ch và anh Huỳnh Minh Đ E có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Lâm Th Ng và anh Nguyễn Anh T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 837785 do Ủy ban nhân dân huyện Phước

Long cấp cho anh Nguyễn Anh T và chị Nguyễn Lâm Th Ng ngày 29 tháng 12 năm 2010.

4. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Chị Ch được nhận lại T tạm ứng án phí mà chị Ch đã nộp theo biên lai thu T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011567 ngày 15 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long số T 1.750.000đ.

- Buộc chị Ng phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 5.022.000đ và án phí hủy hợp đồng cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 300.000đ.

- Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Đang